

Bộ câu hỏi trắc nghiệm địa 10 bài 40

Dưới đây là bộ câu hỏi trắc nghiệm địa lý bài 40 đã được chúng tôi sưu tầm và chọn lọc, hỗ trợ các bạn học sinh ôn tập. Kính mời quý thầy cô cùng các bạn học sinh tham khảo.

Câu 1: Thị trường được hiểu là

- A. Nơi tiến hành trao đổi những sản phẩm hàng hóa.
- B. Nơi gặp gỡ giữa bên bán bên mua.
- C. Nơi diễn ra tất cả các hoạt động dịch vụ.
- D. Nơi có các chợ và siêu thị.

Câu 2: Để đo giá trị của hàng hóa và dịch vụ cần có vật ngang giá. Vật ngang giá hiện đại là gì ?

- A. Tiền. B. Vàng. C. Dầu mỏ. D. Cả 3 ý trên.

Câu 3: Theo quy luật cung-cầu, khi cung lớn hơn cầu thì giá cả

- A. Có xu hướng tăng, sản xuất có nguy cơ đình đốn.
- B. Có xu hướng giảm, sản xuất có nguy cơ đình đốn.
- C. Có xu hướng tăng, kích thích mở rộng sản xuất.
- D. Có xu hướng giảm, kích thích mở rộng sản xuất.

Câu 4: Khi cung nhỏ hơn cầu thì giá cả

- A. Có xu hướng tăng, sản xuất có nguy cơ đình đốn.
- B. Có xu hướng giảm, sản xuất có nguy cơ đình đốn.
- C. Có xu hướng tăng, kích thích mở rộng sản xuất.
- D. Có xu hướng giảm, kích thích mở rộng sản xuất.

Câu 5: Thương mại là khâu nối giữa sản xuất với tiêu dùng thông qua

- A. Việc vận chuyển hàng hóa giữa bên bán và bên mua.
- B. Việc luân chuyển các loại hàng hóa, dịch vụ giữa người bán và người mua.

- C. Việc luân chuyển các loại hàng hóa dịch vụ giữa các vùng.
- D. Việc trao đổi các loại hàng hóa dịch vụ giữa các địa phương với nhau.

Câu 6: Ý nào dưới đây không phải là vai trò của hoạt động thương mại?

- A. Điều tiết sản xuất.
- B. Thúc đẩy sản xuất hàng hóa.
- C. Phân tích thị trường trong nước và quốc tế.
- D. Hướng dẫn tiêu dùng.

Câu 7: Ba trung tâm buôn bán lớn nhất của thế giới là

- A. Trung Quốc, Hoa Kỳ, châu Âu.
- B. Hoa Kỳ, Tây Âu, Nhật Bản.
- C. Bắc Mỹ, châu Âu, châu Á.
- D. Nam Mỹ, Trung Quốc, Ấn Độ.

Câu 8: Nội thương phát triển góp phần

- A. Đẩy mạnh chuyên môn hóa sản xuất và phân công lao động theo vùng và lãnh thổ.
- B. Gán thị trường trong nước với thị trường quốc tế, đẩy mạnh quan hệ giao lưu kinh tế quốc tế.
- C. Làm tăng kim ngạch nhập khẩu.
- D. Làm tăng kim ngạch xuất khẩu.

Câu 9: Khi giá trị hàng nhập khẩu lớn hơn giá trị hàng xuất khẩu thì gọi là

- A. Xuất siêu.
- B. Nhập siêu.
- C. Cán cân xuất nhập dương.
- D. Cán cân xuất nhập âm.

Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU VÀ SỐ DÂN CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2014

Quốc gia	Giá trị xuất khẩu (tỉ USD)	Giá trị nhập khẩu (tỉ USD)	Số dân (triệu người)
Hoa Kỳ	1610	2380	234,3
Ca-na - da	465	482	34,8
Trung Quốc	2252	2249	1378
Ấn Độ	464	508	1330
Nhật Bản	710	811	127
Thái Lan	232	219	67,7
Đức	1547	1319	80,9
Pháp	578	634	66,2

Dựa vào bảng số liệu trên, trả lời các câu hỏi từ 10 đến 15

Câu 10: Các quốc gia nhập siêu là:

- A. Hoa Kỳ, Ca- na-da, Nhật Bản, Ấn Độ, Pháp.
- B. Trung Quốc, Ca-na-da, Thái Lan, Ấn Độ, Pháp.
- C. Trung Quốc ,Thái Lan, Đức.
- D. Hoa Kỳ, Ca-na-da, Thái Lan, Đức.

Câu 11: Các quốc gia xuất siêu là

- A. Hoa Kỳ, Ca- na-da, Nhật Bản, Ấn Độ, Pháp.
- B. Trung Quốc, Ca-na-da, Thái Lan, Ấn Độ, Pháp.
- C. Trung Quốc, Thái Lan, Đức.
- D. Hoa Kỳ, Ca-na-da, Thái Lan, Đức.

Câu 12: Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện giá trị xuất khẩu của các quốc gia là

- A. Biểu đồ tròn. B. Biểu đồ cột.
- C. Biểu đồ đường. D. Biểu đồ miền.

Câu 13: Giá trị xuất khẩu tính trên đầu người cao nhất trong các quốc gia trên là

- A. Trung Quốc. B. Ca-na-da.
- C. Đức. D. Pháp.

Câu 14: Giá trị xuất khẩu tính trên đầu người thấp nhất trong các quốc gia trên là

- A. Trung quốc. B. Ca-na-da.
- C. Thái Lan. D. Ấn Độ.

Câu 15: Hoa Kỳ có cán cân xuất nhập khẩu là

- A. -770 tỉ USD. B. 760 tỉ USD.
- C. 770 tỉ USD. D. -760 tỉ USD.

Câu 16: Cho bảng số liệu sau: GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU VÀ DÂN SỐ CỦA HOA KÌ, TRUNG QUỐC, NHẬT BẢN NĂM 2004

Quốc gia	Tiêu chí	
	Giá trị xuất khẩu (tỉ USD)	Dân số (triệu người)
Hoa Kỳ	819,0	293,6
Trung Quốc (kể cả đặc khu Hồng Công)	858,9	1306,9
Nhật Bản	566,5	127,6

- a) Tính giá trị xuất khẩu bình quân theo đầu người của các quốc gia trên.
- b) Vẽ biểu đồ hình cột để thể hiện.
- c) Rút ra nhận xét cần thiết.

a) Tính giá trị xuất khẩu bình quân theo đầu người

Giá trị xuất khẩu bình quân theo đầu người của Hoa Kỳ là:

A. 2889,5 USD/người.

B. 2789,5 USD/người.

C. 2789,8 USD/người.

D. 2799,5 USD/người.

Giá trị xuất khẩu bình quân theo đầu người của Trung Quốc (kể cả đặc khu Hồng Kông) là:

A. 657,2 USD/người.

B. 659,2 USD/người.

C. 658,2 USD/người.

D. 656,2 USD/người.

Giá trị xuất khẩu bình quân theo đầu người của Nhật Bản là:

A. 4439,9 USD/người.

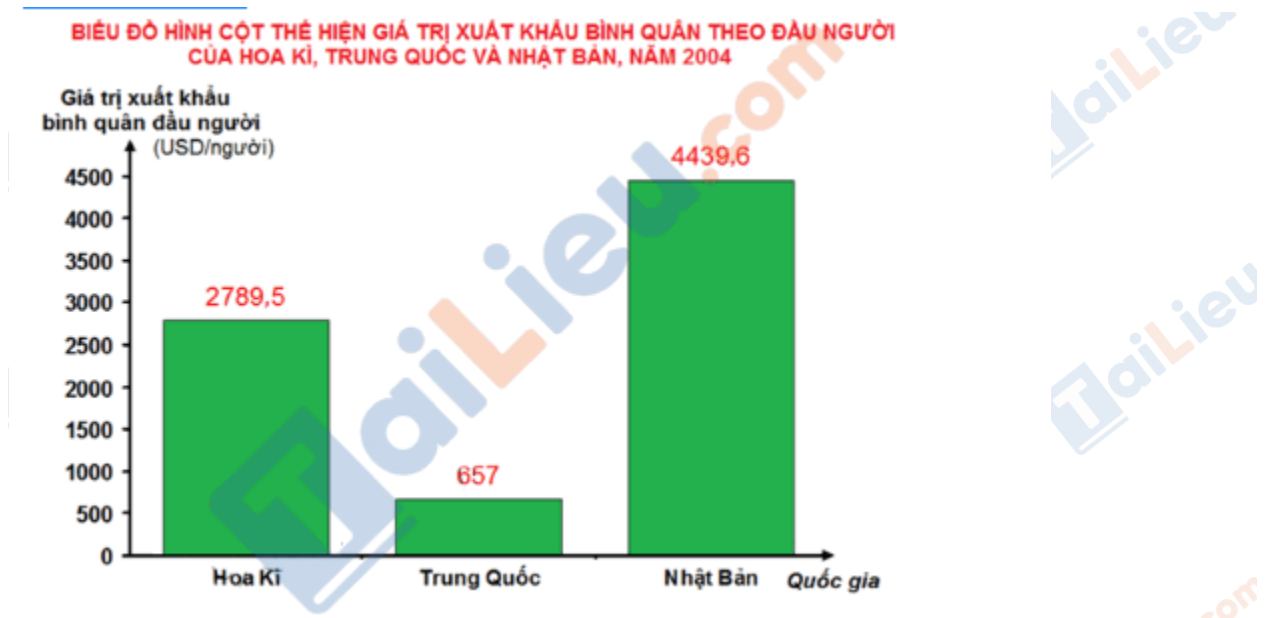
B. 4439,7 USD/người.

C. 4438,6 USD/người.

D. 4439,6 USD/người.

b) Vẽ biểu đồ hình cột để thể hiện.

Biểu đồ hình cột:



c) Rút ra nhận xét cần thiết

A. Giá trị xuất khẩu bình quân trên đầu người cao nhất là Nhật Bản, tiếp theo là Hoa Kỳ, sau đó là Trung Quốc.

B. Trung Quốc có giá trị xuất khẩu cao nhất, nhưng giá trị xuất khẩu bình quân trên đầu người thấp nhất.

C. Nhật Bản có giá trị xuất khẩu thấp nhất, nhưng giá trị xuất khẩu bình quân trên đầu người cao nhất.

D. Cả 3 ý trên

Ngoài ra các em học sinh và thầy cô có thể tham khảo thêm nhiều tài liệu hữu ích hỗ trợ ôn luyện thi môn địa lý khác được cập nhật liên tục tại chuyên trang của chúng tôi.